

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY**  
**Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020**



## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỶ KẾ TOÁN 9 THÁNG	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 35

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

#### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010, thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.  
Tên viết tắt là : SHG  
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/06/2020)

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lã Tuấn Hưng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>501.581.014.666</b>	<b>505.208.685.697</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>7.720.382.953</b>	<b>7.894.434.245</b>
1. Tiền	111		7.720.382.953	7.894.434.245
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>290.303.248.458</b>	<b>289.859.431.540</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	159.238.290.290	158.896.710.496
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	278.396.645.107	278.160.689.048
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	159.953.536.652	160.087.255.587
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(307.285.223.591)	(307.285.223.591)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>195.810.678.514</b>	<b>195.810.678.514</b>
1. Hàng tồn kho	141		195.810.678.514	195.810.678.514
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.746.704.741</b>	<b>11.644.141.398</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.746.704.741	11.644.141.398
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>459.776.580.700</b>	<b>463.925.451.102</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>296.177.326.978</b>	<b>296.121.326.978</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	296.177.326.978	296.121.326.978
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.11</b>	<b>2.071.251.567</b>	<b>3.392.501.754</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.071.251.567	3.392.501.754
- Nguyên giá	222		55.663.107.160	55.663.107.160
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.591.855.593)	(52.270.605.406)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.8</b>	<b>56.257.899.457</b>	<b>56.257.899.457</b>
1. Nguyên giá	231		56.257.899.457	56.257.899.457
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>36.241.946.223</b>	<b>36.241.946.223</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	36.241.946.223	36.241.946.223
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.12</b>	<b>62.820.025.799</b>	<b>62.820.025.799</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		84.030.709.344	84.030.709.344
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		191.916.364.580	191.916.364.580
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.028.713.942	8.028.713.942
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(221.155.762.067)	(221.155.762.067)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.208.130.676</b>	<b>9.091.750.891</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	6.208.130.676	9.091.750.891
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>961.357.595.366</b>	<b>969.134.136.799</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

	MS	TM	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.644.129.935.020</b>	<b>1.614.779.160.019</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.146.509.303.711</b>	<b>1.117.358.528.710</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	201.114.100.480	204.790.445.260
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	30.868.634.483	32.091.660.530
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.973.074.365	2.804.024.389
4. Phải trả người lao động	314		1.765.270.476	2.936.621.312
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	662.248.179.005	628.959.907.163
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	51.998.417.299	50.290.242.453
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	195.331.563.313	195.275.563.313
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		210.064.290	210.064.290
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>497.620.631.309</b>	<b>497.420.631.309</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	258.645.643.308	258.445.643.308
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.17	238.974.988.001	238.974.988.001
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(682.772.339.654)</b>	<b>(645.645.023.220)</b>
(400 = 410+430)				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>(682.772.339.654)</b>	<b>(645.645.023.220)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270.000.000.000	270.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		270.000.000.000	270.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.126.376.429	24.126.376.429
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.072.018.933	1.072.018.933
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.293.456.226	26.293.456.226
5. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		25.981.000	25.981.000
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.941.310.206	5.941.310.206
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.010.231.482.448)	(973.104.166.014)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(973.104.166.014)	(907.097.453.966)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(37.127.316.434)	(66.006.712.048)
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>961.357.595.366</b>	<b>969.134.136.799</b>
(440 = 300+400)				

Người lập



Nguyễn Thị Khánh Hậu

Kế toán trưởng



Trần Anh Tài

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

Tổng Giám đốc





La Tuấn Hưng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

Mẫu B 02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/07/2020 đến	Từ 01/07/2019 đến	Từ 01/01/2020 đến	Từ 01/01/2019 đến
			30/09/2020	30/09/2019	30/09/2020	30/09/2019
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.448.203.638	1.472.333.318	8.829.420.552	27.987.595.263
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.448.203.638	1.472.333.318	8.829.420.552	27.987.595.263
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	837.282.505	813.509.639	7.023.186.027	26.674.455.870
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		610.921.133	658.823.679	1.806.234.525	1.313.139.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.395.510	1.178.877	130.091.395	107.844.669
7. Chi phí tài chính	22	5.4	6.749.695.671	13.185.000.000	33.288.271.842	40.556.037.395
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.749.695.671	13.185.000.000	33.288.271.842	39.556.037.395
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	1.945.826.692	3.436.854.257	7.813.199.351	10.854.697.079
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(8.083.205.720)	(15.961.851.701)	(39.165.145.273)	(49.989.750.412)
11. Thu nhập khác	31		42.000.000	65.600.000	2.047.867.829	2.017.474.067
12. Chi phí khác	32		-	127.842	10.038.990	127.842
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.6	42.000.000	65.472.158	2.037.828.839	2.017.346.225
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(8.041.205.720)	(15.896.379.543)	(37.127.316.434)	(47.972.404.187)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(8.041.205.720)	(15.896.379.543)	(37.127.316.434)	(47.972.404.187)

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









Nguyễn Thị Khánh Hậu

Trần Anh Tài

Lê Tuấn Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ kế toán 9 tháng	Kỳ kế toán 9 tháng
		kết thúc ngày 30/09/2020	kết thúc ngày 30/09/2019
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(37,127,316,434)	(47,972,404,187)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1,321,250,187	2,889,625,320
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(128,695,885)	
- Chi phí lãi vay	06	33,288,271,842	39,556,037,395
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2,646,490,290)	(5,526,741,472)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5,077,240,379	35,867,923,776
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	14,116,234,068
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4,836,867,704)	(8,713,137,443)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2,047,370,438	3,109,932,143
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(39,556,037,395)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(358,747,177)	(701,826,323)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(371,682,848)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	128,695,885	1,000,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	128,695,885	628,317,152
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33	56,000,000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	56,000,000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(174,051,292)	(73,509,171)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7,894,434,245	7,169,246,596
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	7,720,382,953	7,095,737,425



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

Người lập



**Nguyễn Thị Khánh Hậu**

Kế toán trưởng



**Trần Anh Tài**

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2020



Tổng Giám đốc



**Lê Tuấn Hưng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là: SONG HONG CORPORATION.

Tên viết tắt là: SHG

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Tp Hà Nội.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/09/2020, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc sau:

Tên công ty, đơn vị	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	55,00%	66,31%
Công ty CP XD dân dụng và Hạ tầng Sông Hồng	55,00%	66,31%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%	55,73%
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	51,00%	57,08%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%	32,90%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%	48,91%
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	43,25%	43,25%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%	48,75%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%	35,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội	22,51%	20%
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	21%	21%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	37,98%	25,11%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	22,51%	7,33%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	62,81%	62,81%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	45,45%	45,45%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	21,00%	21,00%

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6

Ban điều hành thi công gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội

Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Địa chỉ

Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

### 2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo lập cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2020.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư....) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Tổng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	409.307.991	567.193.661
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.311.074.962	7.327.240.584
<b>Tổng</b>	<b>7.720.382.953</b>	<b>7.894.434.245</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>159.238.290.290</b>	<b>158.896.710.496</b>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	7.072.391.072	7.072.391.072
Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Đô - Bộ Quốc Phòng	6.190.508.339	8.960.508.339
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	-	-
Các đối tượng khác	145.975.390.879	142.863.811.085
<b>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>	<b>159.238.290.290</b>	<b>158.896.710.496</b>
<b>Tổng</b>	<b>159.238.290.290</b>	<b>158.896.710.496</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>278.396.645.107</b>	<b>278.160.689.048</b>
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126.390.086.131	126.390.086.131
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 (SH Đà Nẵng)	43.574.509.655	43.574.509.655
Đối tượng khác	108.432.049.321	108.196.093.262
<b>Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>	<b>278.396.645.107</b>	<b>278.160.689.048</b>
<b>Tổng</b>	<b>278.396.645.107</b>	<b>278.160.689.048</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.4 Phải thu khác**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	159.953.536.652	(127.083.697.935)	160.087.255.587	(127.083.697.935)
Tạm ứng	17.363.868.768	(7.984.792.471)	17.336.775.268	(7.984.792.471)
Ký cược, ký quỹ	205.000.000	-	205.000.000	-
Phải thu về cổ phần hó	5.115.072.141	(3.682.505.370)	5.115.072.141	(3.682.505.370)
Phải thu khác:				
<i>Công trình Đình Chính Chợ Vinh</i>	14.811.093.515	(14.811.093.515)	14.811.093.515	(14.811.093.515)
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 6</i>	35.470.547.873	(35.470.547.876)	35.470.547.873	(35.470.547.876)
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 36</i>	24.180.283.813	(24.180.283.813)	24.180.283.813	(24.180.283.813)
<i>Các đối tượng khác</i>	62.807.670.542	(40.954.474.890)	62.968.482.977	(40.954.474.890)
b) Dài hạn	296.177.326.978	-	296.121.326.978	-
Ký cược, ký quỹ	5.310.000.000	-	5.310.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Thái Hà	284.991.326.978	-	284.991.326.978	-
Phải thu khác dài hạn	5.876.000.000	-	5.820.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>456.130.863.630</b>	<b>(127.083.697.935)</b>	<b>456.208.582.565</b>	<b>(127.083.697.935)</b>

**5.5 Nợ xấu**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	317.572.846.583	10.287.622.992	317.572.846.583	10.287.622.992

*Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này*

Trong đó:	Quá hạn trên 01 năm	Quá hạn trên 02 năm	Quá hạn trên 03 năm
	VND	VND	VND
Phải thu Tạm ứng			8.834.308.036
Phải thu ngắn hạn khách hàng			69.710.118.626
Trả trước cho người bán ngắn hạn			119.320.077.455
Phải thu khác			119.708.342.466
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>317.572.846.583</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	171.473.608.244	-	171.473.608.244	-
Hàng hoá (i)	24.337.070.270		24.337.070.270	
<b>Tổng</b>	<b>195.810.678.514</b>	<b>-</b>	<b>195.810.678.514</b>	<b>-</b>

(i) Lô đất tại khu biệt thự Tây Hồ đã được chuyển nhượng và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này được ghi nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" của Báo cáo tài chính với số tiền 24.655.500.000 đồng.

**5.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là giá trị diện tích kinh doanh tầng 1, tầng M, diện tích văn phòng, diện tích tầng hầm tại dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2. Hiện tại, Tổng Công ty đã cho thuê đến hết thời hạn sử dụng đất tại dự án và đã ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này khi thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn thành.

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Khách sạn Royal Sông Hồng (ii)	35.602.635.193	35.602.635.193
Dự án Lĩnh Nam	502.947.394	502.947.394
Dự án khác	136.363.636	136.363.636
<b>Tổng</b>	<b>36.241.946.223</b>	<b>36.241.946.223</b>

(i): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 20/09/2017 của Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép Tổng Công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án.

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>6.208.130.676</b>	<b>9.091.750.892</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.032.728	131.139.014
Giá trị thương hiệu TCT Cổ phần Sông Hồng	333.333.320	333.333.320
Lợi thế thương mại:		
<i>Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội</i>	<i>5.651.289.286</i>	<i>8.404.803.215</i>
<i>Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai</i>	<i>222.475.342</i>	<i>222.475.343</i>
<b>Tổng</b>	<b>6.208.130.676</b>	<b>9.091.750.892</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

**5.10 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2020	8.167.401.127	35.555.234.396	13.473.315.316	221.553.273	57.417.504.112
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	1.754.396.952	-	1.754.396.952
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.754.396.952	-	1.754.396.952
Số dư tại 30/09/2020	8.167.401.127	35.555.234.396	11.718.918.364	221.553.273	55.663.107.160
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2020	5.937.281.583	32.790.942.455	11.359.487.086	221.553.273	50.309.264.397
Tăng trong năm	937.242.570	2.644.231.133	1.359.370.953	-	4.984.060.818
Khấu hao trong năm	937.242.570	2.644.231.133	1.359.370.953	43.216.162	4.984.060.818
Giảm trong năm	-	-	1.701.469.622	-	1.701.469.622
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.701.469.622	-	1.701.469.622
Số dư tại 30/09/2020	6.874.524.153	35.435.173.588	11.017.388.417	221.553.273	53.591.855.593
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2020	2.230.119.544	2.764.291.941	2.113.828.230	-	7.108.239.715
Số dư tại 30/09/2020	1.292.876.974	120.060.808	701.529.947	-	2.071.251.567

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
	VND	(*)	VND	(*)
<b>a) Đầu tư Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	84.030.709.344	(84.030.709.344)	84.030.709.344	(84.030.709.344)
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(30.000.000.000)
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	26.590.013.503	(26.590.013.503)	26.590.013.503	(26.590.013.503)
Công ty CP XD dân dụng và Hạ tầng Sông Hồng	8.340.937.290	(8.340.937.290)	8.340.937.290	(8.340.937.290)
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	8.340.937.291	(8.340.937.291)	8.340.937.291	(8.340.937.291)
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	6.500.000.000	(6.500.000.000)	6.500.000.000	(6.500.000.000)
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	2.786.500.000	(2.786.500.000)	2.786.500.000	(2.786.500.000)
	1.472.321.260	(1.472.321.260)	1.472.321.260	(1.472.321.260)
<b>b) Đầu tư Công ty liên kết</b>	191.916.364.580	(134.425.052.723)	191.916.364.580	(134.425.052.723)
Công ty CP Thép Sông Hồng	102.000.000.000	(102.000.000.000)	102.000.000.000	(102.000.000.000)
Công ty CP Sông Hồng 36	9.750.000.000	(9.750.000.000)	9.750.000.000	(9.750.000.000)
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	5.250.000.000	(5.250.000.000)	5.250.000.000	(5.250.000.000)
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	5.022.404.482	(5.022.404.482)	5.022.404.482	(5.022.404.482)
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	36.498.220.000	(2.988.020.725)	36.498.220.000	(2.988.020.725)
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	1.696.000.000	(1.696.000.000)	1.696.000.000	(1.696.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	6.000.000.000	(1.490.909.879)	6.000.000.000	(1.490.909.879)
Công ty CP Đầu tư Thương mại				
và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	364.681.268	(27.717.637)	364.681.268	(27.717.637)
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	11.035.058.830	-	11.035.058.830	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	7.100.000.000	-	7.100.000.000	-
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung				

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

MẪU B 09a - DN

01/01/2020

30/09/2020

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	(*)	VND	VND	(*)	VND
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>8.028.713.942</b>		<b>(2.700.000.000)</b>	<b>8.028.713.942</b>		<b>(2.700.000.000)</b>
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	1.038.110		-	1.038.110		-
Công ty CP Nhóm Sông Hồng	1.264.586.273		-	1.264.586.273		-
Công ty cổ phần công nghệ và xây dựng Sông Hồng	500.000.000		-	500.000.000		-
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	1.563.089.559		-	1.563.089.559		-
Công ty CP Sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000		(1.000.000.000)	1.000.000.000		(1.000.000.000)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	2.000.000.000		-	2.000.000.000		-
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng	1.700.000.000		(1.700.000.000)	1.700.000.000		(1.700.000.000)
(Công ty CP Sông Hồng 6)						
<b>Tổng</b>	<b>283.975.787.866</b>		<b>(221.155.762.067)</b>	<b>283.975.787.866</b>		<b>(221.155.762.067)</b>

Công ty con, Công ty liên kết là các công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.12 Phải trả người bán**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>201.114.100.480</b>	<b>201.114.100.480</b>	<b>204.790.445.260</b>	<b>204.790.445.260</b>
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	28.630.875.281	28.630.875.281	42.027.229.051	42.027.229.051
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	17.143.332.099	17.143.332.099	19.913.332.099	19.913.332.099
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	18.041.860.622	18.041.860.622	18.041.860.622	18.041.860.622
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thuyền Đông Bắc	28.493.447.615	28.493.447.615	28.493.447.615	28.493.447.615
Các đối tượng khác	108.804.584.863	108.804.584.863	96.314.575.873	96.314.575.873
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)				
<b>Tổng</b>	<b>201.114.100.480</b>	<b>201.114.100.480</b>	<b>204.790.445.260</b>	<b>204.790.445.260</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.868.634.483</b>	<b>32.091.660.530</b>
Dự án biệt thự Tây Hồ	24.655.500.000	24.655.500.000
Các đối tượng khác	6.213.134.483	7.436.160.530
<b>Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)		
<b>Tổng</b>	<b>30.868.634.483</b>	<b>32.091.660.530</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/09/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>2.804.024.389</b>	<b>451.211.259</b>	<b>282.161.283</b>	<b>2.973.074.365</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.311.910.583	157.495.331	-	2.469.405.914
Thuế thu nhập cá nhân	120.695.826	188.934.831	177.380.186	132.250.471
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	96.153.255	96.153.255	-
Các loại thuế khác	371.417.980	5.000.000	5.000.000	371.417.980
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.627.842	3.627.842	-
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.15 Chi phí phải trả**

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>662.248.179.305</b>	<b>628.959.907.163</b>
Chi phí lãi vay phải trả	343.831.741.624	310.543.469.782
Trích trước giá vốn Bất động sản đầu tư	84.790.344.369	84.790.344.369
Trích trước giá vốn công trình xây lắp (iii)	233.626.093.312	233.626.093.012
<b>Tổng</b>	<b>662.248.179.005</b>	<b>628.959.907.163</b>

(i): Chi phí trích trước giá vốn các công trình chưa quyết toán theo tỷ lệ giao thầu của Hợp đồng thầu phụ.

**5.16 Phải trả khác**

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>51.998.417.299</b>	<b>50.290.242.453</b>
Kinh phí công đoàn	364.232.518	423.955.368
Bảo hiểm xã hội;	314.313.721	284.117.773
Bảo hiểm y tế	172.319.935	176.689.998
Phải trả về cổ phần hóa	4.169.029.883	4.169.029.883
Bảo hiểm thất nghiệp	7.396.722	23.471.620
Các khoản phải trả, phải nộp khác:		
- Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	3.862.093.801	3.862.093.801
- Cổ tức phải trả cổ đông	22.919.286.000	22.919.286.000
- Khoản lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước CP hóa chờ xử lý	9.578.124.594	9.578.124.594
- Các khoản phải trả khác	10.611.620.125	8.853.473.416
<b>b) Dài hạn</b>	<b>258.645.643.308</b>	<b>258.445.643.308</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn để làm sổ đo biệt thự D3	200.000.000	200.000.000
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3	227.573.438.212	227.573.438.212
Dự án Thái Hà chờ quyết toán		
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	174.205.096	174.205.096
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo sổ tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà	30.498.000.000	30.498.000.000
Phải trả phải nộp dài hạn khác	200.000.000	
<b>Tổng</b>	<b>310.644.060.607</b>	<b>308.735.885.761</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.17 Dự phòng phải trả**

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Dài hạn</b>	<b>238.974.988.001</b>	<b>238.974.988.001</b>
Công ty TNHH MTV Quản lý của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)	238.974.988.001	238.974.988.001
<b>Tổng</b>	<b><u>238.974.988.001</u></b>	<b><u>238.974.988.001</u></b>

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội về việc tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số 492/QĐ-CCTHADS ngày 22/08/2018: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) số tiền 238.974.988.001 đồng và còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).

Thông báo số 01/TB-TANDCC-KDTM ngày 02/01/2019 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÁU B 09a - DN

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/09/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn		VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại Dương- Chi nhánh Hà Tĩnh (iv)	195.331.563.313	195.331.563.313	56.000.000	-	195.275.563.313	195.275.563.313
Vay cá nhân	191.809.390.313	191.809.390.313	-	-	191.809.390.313	191.809.390.313
	3.522.173.000	3.522.173.000	56.000.000	-	3.466.173.000	3.466.173.000
<b>Tổng</b>	<b>195.331.563.313</b>	<b>195.331.563.313</b>	<b>56.000.000</b>	<b>-</b>	<b>195.275.563.313</b>	<b>195.275.563.313</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(i): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a - DN

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sáp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	270.000.000.000	24.126.376.429	-	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(531.855.719.827)	(205.468.595.966)
Tăng trong năm	-	-	1.072.018.933	-	-	-	165.051.146	1.237.070.079
Tăng khác	-	-	1.072.018.933	-	-	-	165.051.146	1.237.070.079
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	376.320.016.309	376.320.016.309
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	376.320.016.309	376.320.016.309
Số dư tại 31/12/2019	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(908.010.684.990)	(580.551.542.196)
Số dư tại 01/01/2020	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(908.010.684.990)	(580.551.542.196)
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	102.220.797.458	102.220.797.458
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	102.220.797.458	102.220.797.458
Nhận bàn giao từ Ban NXB	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/09/2020	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(1.010.231.482.448)	(682.772.339.654)

Đơn vị tính: VND

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Vốn góp của Nhà nước	132.412.000.000	132.412.000.000
Cổ đông khác	137.588.000.000	137.588.000.000
<b>Tổng</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>270.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	30/09/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**d. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.293.456.226	26.293.456.226
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25.981.000	25.981.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.941.310.206	5.941.310.206
<b>Tổng</b>	<b>32.260.747.432</b>	<b>32.260.747.432</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN.

**5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.448.203.638	1.472.333.318
Doanh thu bán hàng hóa		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
<b>Tổng</b>	<b>1.448.203.638</b>	<b>1.472.333.318</b>

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	837.282.505	813.509.639
Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hợp đồng xây dựng		
<b>Tổng</b>	<b>837.282.505</b>	<b>813.509.639</b>

**5.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.395.510	1.178.877
Lãi bán đấu giá cổ phần	-	
Lãi trả chậm	-	
Cổ tức được chia		-
<b>Tổng</b>	<b>1.395.510</b>	<b>1.178.877</b>

**5.23 Chi phí tài chính**

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND
Lãi tiền vay	6.749.695.671	13.185.000.000
Dự phòng đầu tư dài hạn		
Chi phí hoạt động tài chính khác		
<b>Tổng</b>	<b>6.749.695.671</b>	<b>13.185.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.945.826.692</b>	<b>3.436.854.257</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.503.611.063	1.932.596.052
Chi phí vật liệu quản lý	6.270.691	24.484.032
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.055.954	204.567.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	244.578.072	795.711.380
Thuế, phí và lệ phí	5.813.061	55.597.751
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.497.851	285.250.942
Chi phí bằng tiền khác		138.647.100

**5.25 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng		
Công nợ được xóa		
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ		
Chuyển nhượng dự án		
Thu nhập khác	42.000.000	65.600.000
<b>Tổng</b>	<b>42.000.000</b>	<b>65.600.000</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế		
Chi phí quản lý, vận hành chung cư		
Chuyển nhượng dự án		
Khấu hao Tài sản cố định cho thuê		
Chi phí khác		
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>127.842</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>42.000.000</b>	<b>65.472.158</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2019 VND
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Lương, Thù lao	593.167.923	878.209.663

**b. Số dư với các bên liên quan khác**

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Công ty con</b>			
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Phải trả người bán	2.344.100.658	2.344.100.658
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả người bán	465.894.516	465.894.516
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải trả người bán	985.769.550	985.769.550
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	2.536.045.102	2.536.045.102
<b>b) Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	75.267.249	75.267.249
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	1.275.927.812	1.275.927.812
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	4.737.157.555	4.737.157.555
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả người bán	2.528.899.709	2.528.899.709
Công ty cổ phần Đầu tư TM và XD Công Trình Giao thông HN	Phải trả người bán	2.330.952.761	2.330.952.761
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	28.671.719.990	32.675.130.365
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải trả người bán	197.063.812	197.063.812
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả người bán	19.170.145.785	19.670.145.785
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	18.041.860.622	18.041.860.622
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6.644.357.996	6.644.357.996
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>			
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Phải trả người bán	10.569.930.485	11.069.189.241
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	338.941.257	338.941.257
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Phải trả người bán	2.855.625.227	2.855.625.227

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Công ty con</b>			
<b>b) Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	15.750.000	15.750.000
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>			
Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Công ty con</b>			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải trả khác	1.816.402	1.816.402
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả khác	30.000.000	30.057.244
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải trả khác	7.070.752	7.070.752
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải trả khác	547.709	547.709
<b>b) Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả khác	9.578.124.594	9.578.124.594
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải trả khác	1.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả khác	85.370.000	85.370.000
Công ty cổ phần Đầu tư TM và XD Công Trình Giao thông HN	Phải trả khác	37.269.382	37.269.382
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải trả khác	18.083.013	18.083.013
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả khác	2.125.000.000	2.125.000.000
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>			
Công ty CP Nhôm Sông Hồng	Phải trả khác	3.862.093.801	3.862.093.801
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Phải trả khác	28.189.091	28.189.091
Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Công ty con</b>			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu KH	72.655.152	72.655.152
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu KH	8.601.928.561	8.601.928.561
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải thu KH	7.594.011.252	7.594.011.252
<b>b) Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu KH	3.897.962.892	3.897.962.892
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu KH	13.505.443.049	13.505.443.049
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu KH	205.990.037	205.990.037
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu KH	19.785.826	19.785.826
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu KH	13.776.454	13.776.454
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	Phải thu KH	73.870.335	73.870.335
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu KH	3.191.001.774	3.191.001.774
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu KH	557.364.685	557.364.685
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>			
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Phải thu KH	296.107.935	296.107.935



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/09/2020	01/01/2020
		VND	VND
<b>a) Công ty con</b>			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Trả trước người bán	6.843.008.120	6.843.008.120
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Trả trước người bán	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Trả trước người bán	43.574.509.655	43.574.509.655
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Trả trước người bán	20.705.176.191	20.705.176.191
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Trả trước người bán	1.106.000.000	1.106.000.000
<b>b) Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7.100.654.421	7.100.654.421
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Trả trước người bán	126.390.086.131	126.390.086.131
Công ty cổ phần Đầu tư TM và XD Công Trình Giao thông HN	Trả trước người bán	1.373.400.000	1.373.400.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Trả trước người bán	1.143.596.893	1.143.596.893
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>			
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Trả trước người bán	61.266.000	61.266.000
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Trả trước người bán	459.830.913	459.830.913
<b>Phần 2: Các khoản phải thu khác</b>			
Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/09/2020	01/01/2020
		VND	VND
<b>a) Công ty con</b>			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khác	80.502.052	17.562.052
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải thu khác	1.839.210.009	1.838.094.178
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khác	307.287.081	307.287.081
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải thu khác	19.748.115.727	19.746.721.732
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải thu khác	75.086.560	75.086.560
<b>b) Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác	26.527.320.279	26.527.320.279
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	1.929.686.382	1.929.686.382
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác	8.792.920.720	8.792.920.720
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải thu khác	3.320.000.000	3.320.000.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải thu khác	409.963.201	409.963.201
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	874.539.347	874.539.347
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khác	59.951.900	59.951.900
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>			
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Phải thu khác	310.073.837	310.079.837
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Phải thu khác	12.600.000	12.600.000

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a - DN

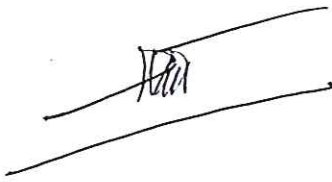
**c. Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Mua hàng</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND</b>	<b>Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc 30/09/2019 VND</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Thuê thi công	-	4.444.726.364
Công ty CP XD dân dụng và Hạ tầng Sông Hồng	Thuê thi công	4.511.338.512	-
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	Thuê thi công	-	5.346.270.859

**6.2 Thông tin khác**

- (i) Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

Người lập



Nguyễn Thị Khánh Hậu

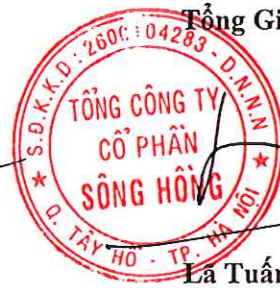
Kế toán trưởng



Trần Anh Tài

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng